

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TINCOM QUỐC TẾ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TINCOM QUỐC TẾ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TINCOM INTERNATIONAL TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TINCOM INTERNATIONAL.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108294115

3. Ngày thành lập: 25/05/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 31, Tổ dân phố 2, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
4.	Sản xuất giống thủy sản	0323
5.	Bán buôn gạo	4631
6.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt - Bán buôn thủy sản - Bán buôn rau, quả - Bán buôn cà phê - Bán buôn chè - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	4632
7.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
8.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
9.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
10.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
11.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic	2220
12.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
13.	Trồng cây lấy sợi	0116

14.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
15.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
16.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
17.	Trồng cây cao su	0125
18.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
19.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
20.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
21.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
22.	Bốc xếp hàng hóa	5224
23.	Trồng lúa	0111
24.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
25.	Trồng cây ăn quả	0121
26.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
27.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
28.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
29.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
30.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
31.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
32.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
33.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
34.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
35.	In ấn	1811
36.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
37.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
38.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
39.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

40.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
42.	Trồng cây mía	0114
43.	Trồng cây hàng năm khác	0119
44.	Trồng cây điều	0123
45.	Trồng cây hồ tiêu	0124
46.	Trồng cây cà phê	0126
47.	Trồng cây chè	0127
48.	Khai thác gỗ	0221
49.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
50.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
51.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
52.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
53.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
54.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
55.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
56.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới (Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm)	4610
57.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn sơn, vécni - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663(Chính)
58.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;	4669

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN NGỌC HUẤN	Xóm 7, Xã Vĩnh Minh, Huyện Vĩnh Lộc, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	5,000	172304744	
			Tổng số	50.000	500.000.000	5,000		
2	BÙI THẾ HOÀNG	Số nhà 31, Tổ dân phố 2, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	350.000	3.500.000.000	35,000	0010770179 41	
			Tổng số	350.000	3.500.000.000	35,000		
3	VŨ VĂN THƯỜNG	Lô 157 MBQH89, Phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	0380820098 34	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000		
4	NGUYỄN HỒNG PHONG	Số 45, Phố Cao Thắng, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	350.000	3.500.000.000	35,000	171572438	
			Tổng số	350.000	3.500.000.000	35,000		
5	PHAN THỊ KIM ANH	Số 94, Đường Lê Hoàn, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	5,000	0381760021 19	
			Tổng số	50.000	500.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI THẾ HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 10/01/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001077017941

Ngày cấp: 22/12/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 31, Tổ dân phố 2, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 31, Tổ dân phố 2, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội